

Số: 10/2021/TB-NTW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch**

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3560 574 **Fax:** 0251 3560 031

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Bình.

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0933.888.134.

Fax: 0251 3560 031

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (*Đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty*).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 03/03/2021 tại đường dẫn <http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nhơn Trạch, ngày 03 tháng 03 năm 2021

TUQ. GIÁM ĐỐC

Người thực hiện công bố thông tin

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bình

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, HĐQT;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2020)
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Trần Văn Thù	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Số: 87/2021/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2021 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, VN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.841.888.143	93.593.992.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	12.723.718.367	6.808.521.252
1. Tiền	111		6.723.718.367	3.808.521.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	33.766.296.247	46.366.295.180
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33.766.296.247	46.366.295.180
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.515.950.677	30.435.636.811
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	13.426.305.725	30.490.629.526
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	736.877.069	466.811.922
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.037.358.709	1.162.786.189
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.684.590.826)	(1.684.590.826)
IV. Hàng tồn kho	140		6.073.262.182	5.849.628.328
1. Hàng tồn kho	141	4.7	6.073.262.182	5.849.628.328
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.762.660.670	4.133.910.631
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.865.834	125.711.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.571.882.559	3.566.359.913
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	83.912.277	441.839.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122.969.931.087	101.533.014.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.466.323.376	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	16.466.323.376	-
II. Tài sản cố định	220		104.871.613.750	100.110.250.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	104.259.945.086	99.359.571.679
Nguyên giá	222		238.687.643.601	222.172.134.324
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.427.698.515)	(122.812.562.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	611.668.664	750.678.452
Nguyên giá	228		1.062.156.000	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(450.487.336)	(311.477.548)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.024.879.935	1.422.764.006
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	1.024.879.935	1.422.764.006
IV. Tài sản dài hạn khác	260		607.114.026	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		607.114.026	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.811.819.230	195.127.006.339

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, VN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.213.328.632	20.827.971.428
I. Nợ ngắn hạn	310		22.213.328.632	20.827.971.428
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	12.996.014.410	12.606.082.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	562.234.367	436.706.439
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	326.336.739	152.133.225
4. Phải trả người lao động	314	4.13	3.939.937.552	2.297.505.951
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.440.500	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		224.890.200	252.946.920
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15.5	4.155.474.864	5.082.596.403
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.598.490.598	174.299.034.911
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	170.598.490.598	174.299.034.911
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.15.5	21.687.568.203	21.064.224.203
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.867.783.984	47.191.672.297
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		30.734.985.297	34.724.790.722
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.132.798.687	12.466.881.575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		192.811.819.230	195.127.006.339



Ngô Dương Đại
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, VN

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	160.358.815.287	163.894.368.543
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.358.815.287	163.894.368.543
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	135.160.188.874	141.901.740.070
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.198.626.413	21.992.628.473
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.951.087.792	3.533.251.935
6. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.096.080.825	5.430.152.586
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	10.003.100.443	8.931.862.381
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.050.532.937	11.163.865.441
9. Thu nhập khác	31		240.192.689	3.720.914.641
10. Chi phí khác	32		-	107.204.441
11. Lợi nhuận khác	40		240.192.689	3.613.710.200
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.290.725.626	14.777.575.641
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.157.926.939	2.310.694.066
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.132.798.687	12.466.881.575
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	1.149	1.163
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	1.149	1.163



Ngô Dương Đại
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.290.725.626	14.777.575.641
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	11.904.864.706	12.304.278.571
Các khoản dự phòng	03		-	(808.017.400)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(3.017.087.792)	(3.533.251.935)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.178.502.540	22.740.584.877
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.579.414.876	18.639.056.217
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(223.633.854)	(203.190.009)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.416.492.050	4.586.410.291
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(588.268.358)	161.747.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(800.000.000)	(3.168.675.520)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.780.114.539)	(2.513.640.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.782.392.715	40.242.293.481
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.666.228.325)	(23.804.665.309)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		66.000.000	416.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(41.400.001.067)	(31.366.295.180)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.951.087.792	3.533.251.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.049.141.600)	(51.221.708.554)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.818.054.000)	(15.035.035.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.818.054.000)	(15.035.035.425)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		5.915.197.115	(26.014.450.498)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.808.521.252	32.822.971.750
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	12.723.718.367	6.808.521.252



Ngô Dương Đại
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Trần Văn Thủy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 07 năm 2019.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam	52.437.360.000	52,44	52.437.360.000	52,44
America LLC	Bahamas	14.345.850.000	14,35	14.345.850.000	14,35
Cổ đông khác	Việt Nam	33.216.790.000	33,21	33.216.790.000	33,21
Cộng		100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 87 (31/12/2019: 89).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí vận chuyển,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, cơ sở cung cấp nước sạch là đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	63.184.033	209.331.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.660.534.334	3.599.189.778
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>12.723.718.367</u>	<u>6.808.521.252</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 3,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6,2%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	20.766.296.247	20.766.296.247	17.366.295.180	17.366.295.180
Ngân hàng TMCP Phương Đông	13.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	17.366.295.180	17.366.295.180
Cộng	33.766.296.247	33.766.296.247	46.366.295.180	46.366.295.180

(Xem trang tiếp theo)

11/2/2021 10:23

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	351.809.431	18.207.886.807
Công ty TNHH Vạn Phúc	1.291.119.074	1.291.119.074
Các khách hàng khác	11.783.377.220	10.991.623.645
Cộng	13.426.305.725	30.490.629.526

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Dài hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	16.466.323.376	-

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng TMDV Đức Anh	484.505.147	-
Công ty TNHH Xây Dựng Anh Ngôn	177.111.000	177.111.000
Trung Tâm Tư Vấn - Quy Hoạch - Kiểm Định Xây Dựng Đồng Nai	-	148.440.000
Công ty TNHH MTV Môi Trường Phúc An Khang	-	99.000.000
Các nhà cung cấp khác	75.260.922	42.260.922
Cộng	736.877.069	466.811.922

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	563.350.558	-	1.030.583.234	-
Tạm ứng	109.909.000	-	50.909.000	-
Phải thu khác	364.099.151	-	81.293.955	-
Cộng	1.037.358.709	-	1.162.786.189	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.684.590.826	-	1.684.590.826	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	1.291.119.074	-	Trên 3 năm	1.291.119.074	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	393.471.752	-	Trên 3 năm	393.471.752	-	Trên 3 năm
Cộng	1.684.590.826	-		1.684.590.826	-	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.242.898.646	-	4.171.970.501	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.830.363.536	-	1.677.657.827	-
Cộng	6.073.262.182	-	5.849.628.328	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tuyến ống cấp nước D160 ĐT 769 Xã Long Tân – Phú Thạnh	461.389.231	-
Tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ	227.000.378	-
Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 500 m ³	238.909.091	912.746.440
Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT 769 Xã Đại Phước	-	171.254.133
Công trình khác	97.581.235	338.763.433
Cộng	1.024.879.935	1.422.764.006

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC NHON TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	42.161.924.413	29.292.281.373	149.418.798.474	1.299.130.064	222.172.134.324
Mua trong năm	61.753.580	435.507.408	376.281.818	185.935.455	1.059.478.261
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.085.975.651	4.994.362.316	5.526.412.097	-	15.606.750.064
Tặng khác	1.755.148.498	-	(150.719.048)	-	1.755.148.498
Giảm khác	(1.755.148.498)	-	-	-	(1.905.867.546)
Tại ngày 31/12/2020	47.309.653.644	34.722.151.097	155.170.773.341	1.485.065.519	238.687.643.601
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	26.026.462.640	22.321.827.321	73.531.361.114	932.911.570	122.812.562.645
Khấu hao trong năm	1.048.198.276	2.591.951.094	7.885.961.149	239.744.399	11.765.854.918
Tặng khác	1.452.573.006	-	-	-	1.452.573.006
Giảm khác	(1.452.573.006)	-	(150.719.048)	-	(1.603.292.054)
Tại ngày 31/12/2020	27.074.660.916	24.913.778.415	81.266.603.215	1.172.655.969	134.427.698.515
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	16.135.461.773	6.970.454.052	75.887.437.360	366.218.494	99.359.571.679
Tại ngày 31/12/2020	20.234.992.728	9.808.372.682	73.904.170.126	312.409.550	104.259.945.086

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 92.819.664.133 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Tại ngày 31/12/2020	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	50.477.240	261.000.308	311.477.548
Khấu hao trong năm	12.343.116	126.666.672	139.009.788
Tại ngày 31/12/2020	62.820.356	387.666.980	450.487.336
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	566.678.760	183.999.692	750.678.452
Tại ngày 31/12/2020	554.335.644	57.333.020	611.668.664

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	9.254.113.877	9.254.113.877	7.320.962.674	7.320.962.674
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	2.638.095.233	2.638.095.233	3.244.585.042	3.244.585.042
Phải trả cho các đối tượng khác	1.103.805.300	1.103.805.300	2.040.534.774	2.040.534.774
Cộng	12.996.014.410	12.996.014.410	12.606.082.490	12.606.082.490

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công Ty TNHH Sợi Chỉ Việt Côn	228.138.432	228.138.432
Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Đồng Tiến	-	91.560.372
Các khách hàng khác	334.095.935	117.007.635
Cộng	562.234.367	436.706.439

4.13. Phải trả người lao động

Là tiền thưởng phải trả cho người lao động.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.912.277	-	1.157.926.939	800.000.000	441.839.216	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.500.000	500.853.945	503.653.945	-	39.300.000
Thuế tài nguyên	-	260.667.183	2.120.678.274	1.949.989.068	-	89.977.977
Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	-	29.169.556	106.350.244	100.035.936	-	22.855.248
Cộng	83.912.277	326.336.739	3.885.809.402	3.353.678.949	441.839.216	152.133.225

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2019	100.000.000.000	6.043.138.411	17.850.498.176	53.980.448.256	177.874.084.843	
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.466.881.575	12.466.881.575	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(803.431.507)	(803.431.507)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.213.726.027	(3.213.726.027)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)	
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000.000	6.043.138.411	21.064.224.203	47.191.672.297	174.299.034.911	
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.132.798.687	12.132.798.687	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(623.343.000)	(623.343.000)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(210.000.000)	(210.000.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	623.344.000	(623.344.000)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)	
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000.000	6.043.138.411	21.687.568.203	42.867.783.984	170.598.490.598	

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	12.132.798.687	12.466.881.575
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(644.650.000)	(833.343.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.803.697.687	11.633.538.575
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.149	1.163

4.15.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	12.132.798.687	12.466.881.575
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(644.650.000)	(833.343.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.803.697.687	11.633.538.575
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.149	1.163

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2020/NQ-HĐQT-NTW ngày 16 tháng 10 năm 2020.

4.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2020	21.064.224.203	5.082.596.403
Trích trong năm	623.344.000	852.993.000
Chi trong năm	-	(1.780.114.539)
Tại ngày 31/12/2020	21.687.568.203	4.155.474.864

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp nước	157.371.919.693	159.630.352.737
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.986.895.594	4.264.015.806
Cộng	160.358.815.287	163.894.368.543

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	133.219.366.690	138.713.187.229
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.940.822.184	3.188.552.841
Cộng	135.160.188.874	141.901.740.070

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi trong năm.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.070.235.573	3.002.602.329
Chi phí vật liệu bao bì	1.496.601.750	1.948.094.508
Các khoản chi phí bán hàng khác	529.243.502	479.455.749
Cộng	5.096.080.825	5.430.152.586

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.160.673.812	6.672.770.352
Chi phí vật liệu quản lý	151.371.255	102.496.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.628.831	79.999.919
Chi phí khấu hao	1.233.535.439	1.278.524.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.380.651	455.748.686
Chi phí khác bằng tiền	895.510.455	1.150.339.840
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(808.017.400)
Cộng	10.003.100.443	8.931.862.381

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí mua nước	105.950.878.625	109.658.163.296
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.513.986.781	7.692.040.352
Chi phí nhân công	17.957.966.539	17.373.179.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.904.864.706	12.304.278.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.758.606.275	4.056.427.723
Chi phí khác bằng tiền	5.173.067.216	5.179.665.541
Cộng	150.259.370.142	156.263.755.037

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.290.725.626	14.777.575.641
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	300.000.000	372.059.441
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(2.951.087.792)	(6.603.810.635)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	10.639.637.834	8.545.824.447
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.063.963.783	854.582.445
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	590.217.558	1.320.762.127
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.654.181.342	2.175.344.572
Truy thu thuế TNDN	-	135.349.494
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(496.254.403)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.157.926.939	2.310.694.066

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Theo lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phát sinh không đáng kể.

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | Công ty cùng tập đoàn |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3		
Ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	351.809.431	18.207.886.807
Dài hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	16.466.323.376	-
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	6.703.308.675	7.151.578.812
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	2.550.805.202	-
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	-	169.383.862
Cộng – Xem thêm mục 4.11	<u>9.254.113.877</u>	<u>7.320.962.674</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	76.775.459.500	75.282.228.672
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	9.672.542.608	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	3.079.706.584
Cộng	<u>86.448.002.108</u>	<u>78.361.935.256</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Thù lao:			
Ông Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Bính	Nguyên Chủ tịch HĐQT	36.000.000	108.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT / Giám đốc	84.000.000	84.000.000
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên HĐQT / Kết toán trưởng	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Hiền	Thư ký HĐQT	48.000.000	48.000.000
Cộng		<u>492.000.000</u>	<u>492.000.000</u>
Lương:			
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT / Giám đốc	477.748.457	506.863.636
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	360.754.790	380.045.456
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên HĐQT / Kết toán trưởng	333.301.299	361.090.909
Cộng		<u>1.171.804.546</u>	<u>1.248.000.001</u>
Thưởng:			
Ông Nguyễn Văn Bính	Nguyên Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT / Giám đốc	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên HĐQT / Kết toán trưởng	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	10.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	20.000.000	-
Cộng		<u>130.000.000</u>	<u>110.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	440.100.000	441.900.000
Tiền thưởng	40.000.000	43.500.000
Cộng	480.100.000	485.400.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.163	1.157
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.163	1.157

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được báo cáo lại do số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2019 để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu khác so với số đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 10 năm 2020.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập